TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 27-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Trọng;

2. Ông Lê Văn Lài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T, sinh năm 2004, tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tương L, sinh năm 1979 và bà Võ Minh T1, sinh năm 1979; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, chuyển tạm giam từ ngày 03/4/2024 đến nay (có mặt).

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Anh Phạm Minh T2, sinh năm 2004; địa chỉ: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Anh Võ Thành N, sinh năm 2004; địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây

Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lâm Sơn L1, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy T không có nghề nghiệp ổn định, muốn có tiền tiêu xài nên nhiều lần chiếm đoạt xe mô tô của người khác đem thế chấp và đem bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 14 giờ 00 phút ngày 29/12/2023 (âm lịch) nhằm ngày 08/02/2024 (dương lịch) anh Phạm Minh T2, sinh năm 2004, trú tại ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đến chơi tại nhà của bà T1 (là mẹ ruột của T), địa chỉ: lô E, ấp C, xã Đ, huyện C, Tây Ninh. Do anh T2 là bạn của chị Nguyễn Thị Xuân T3, sinh năm 1995, trú tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh (chị T3 sống chung nhà với bà T1 và bị cáo T). T thấy anh T2 có xe mô tô chưa đăng ký biển số, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn trắng, số máy: JA39E-3028363, số khung: RLHJA3928FY416039, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh T2. Sau đó, T giả vờ hỏi mượn xe mô tô của anh T2 để đi đón bạn, anh T2 đồng ý giao xe mô tô cho T. Khi nhận được xe, T điều khiển đến nhà Trần Thành Đình Q, sinh năm 1988, ngụ khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người mà T quen trước đó để thế chấp xe mô tô của anh T2. Khi gặp Q, T nói với Q là xe mô tô của anh T cho T mượn đem đi thế chấp, Q đồng ý thế chấp cho T. Tính thỏa thuận thế xe cho Q số tiền 5.000.000 đồng, Q đưa cho T số tiền 4.500.000 đồng, Q lấy trước mười ngày tiền lãi 500.000 đồng. Sau khi thế được xe, T lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Khi thế xe thì giữa T và Q chỉ thoả thuận bằng lời nói không làm hợp đồng. Nguyễn Duy T khai nhận, sau khi thế chấp xe mô tô nói trên cho anh Q thì chưa trả lại tiền và nhận lại xe. Tuy nhiên, Trần Thành Đình Q khai nhận Nguyễn Duy T đã trả lại cho anh Q 5.250.000 đồng và nhận lại xe. Hiện tại chưa thu hồi được xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha màu sơn trắng, số máy: JA39E-3028363, số khung: RLHJA3928FY416039.

Lần thứ hai: anh Võ Thành N, sinh năm 2004, trú tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh có mượn của anh Lâm Sơn L1, sinh năm 1993, trú tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh 01 xe mô tô biển số 70B1-041.53 để làm phương tiện đi lại, anh N để xe tại nhà. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 14/02/2024, Nguyễn Duy T đi bộ đến chơi tại nhà anh N. Khi đến nhà anh N không có ai ở nhà, nhà khóa cửa, T gặp anh ruột của anh N tên Võ Cao S, sinh năm 1994, ngụ ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, anh S nói anh N đã đi chơi, T lên võng trước hiên nhà anh N nằm. Lúc này, T thấy trong nhà anh N có dựng xe mô tô biển số 70B1-041.53 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, do trước đó nhiều lần T đến nhà anh N chơi, T biết vị trí anh N cất chìa khóa cửa nhà là trên bàn máy may bên trong cửa sổ trong nhà. T đi đến cửa sổ đưa tay vào lấy chìa khóa và mở cửa nhà, lén lút lấy xe mô tô biển số

70B1-041.53 đẩy ra ngoài, T khóa cửa nhà lại và để chìa khóa lại vị trí cũ. Khi lấy được xe, T điều khiển xe đi đến khu vực thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, T gặp một người nam thanh niên không biết họ tên, địa chỉ, T nói xe của T và bán cho người nam thanh niên này giá 2.850.000 đồng, T lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Do không xác định được họ tên, địa chỉ của người mua nên không thu hồi được xe mô tô biển số 70B1-041.53.

Lần thứ ba: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 19/3/2024, Nguyễn Duy T đang ở thành phố T thì anh Lê Văn T4, sinh năm 2006, trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh điện thoại rủ T đến nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1999, trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh để uống rượu. Khoảng 20 phút sau, anh T4 điều khiển xe mô tô loại Dream của mình đi chở Nguyễn Duy T đến nhà anh B để uống rượu. Khi uống rượu, T thấy anh B có xe mô tô biển số 70D1- 610.35 để trước nhà, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh B. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, T giả vờ hỏi anh B cho T mượn xe biển số 70D1- 610.35 để đi rước bạn đến cùng uống rượu, anh B tin lời nên đưa chìa khóa xe cho T. Khi nhận được xe, T điều khiển đến nhà Trần Thành Đình Q, T nói với Q là xe của T, T thoả thuận bằng lời nói với Q thế chấp xe mô tô giá 7.000.000 đồng, Q đưa cho T số tiền 6.300.000 đồng, Q lấy trước tiền lãi mười ngày là 700.000 đồng, T lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 20/3/2024, Q điện thoại cho T nói xe của T thế chấp nghi ngờ biển số xe giả, Q yêu cầu T trả lại tiền và Q trả lại xe. Do trước đó T có bán cho người có tài khoản trên mạng xã hội Facebook tên "Tứ Ca Tây Ninh" (gọi tắt là Tứ C) một xe mô tô, nên T nhắn tin cho Tứ C có nội dung "Em có chiếc Satria k giấy a có thu lại hong a". Sau đó, Tứ C gọi cho T nói chuyện và hẹn T đi xem xe. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến khu vực đầu đường gần nhà Q để gặp Tứ C, người này đi trên xe ô tô tải màu trắng, không rõ biển số cùng hai thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ). Lúc này, Tứ C kêu một người thanh niên đi với T đến nhà Q, người thanh niên hỏi Q là T thế xe mô tô biển số 70D1-610.35 với số tiền bao nhiêu, Q trả lời là 7.070.000 đồng, người thanh niên đưa cho Q số tiền 7.070.000 đồng. Khi đưa tiền xong, người này điều khiển xe mô tô biển số 70D1-610.35 chở T đi đến cho Tứ C xem xe, T nói với Tứ C thế xe thêm số tiền 500.000 đồng, nhưng Tứ C không đồng ý đưa thêm tiền cho T và đưa xe mô tô biển số 70D1-610.35 lên thùng xe ô tô tải chở đi. Do không xác định được họ tên, địa chỉ của người có tên tài khoản "Tứ Ca Tây Ninh", nên không thu hồi được xe mô tô 70D1-610.35.

Ngày 25/3/2024, Nguyễn Duy T biết được các bị hại làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an, nên Tính đến Công an xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

* Kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐG, ngày 03/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Tây Ninh kết luận:

- Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, màu sơn xanh đen, biển số 70D1-610.35, số máy: CGA1ID213593; số khung: 11AZKJ213553, dung tích 147 cm^3 (đã qua sử dụng), tại thời điểm ngày 19/3/2024 có giá trị là 25.333.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu WAYEC, màu sơn đỏ đen, biển số 70B1-041.53, số máy: RHA152FMH127689; số khung: RWCH1UMB1127689, dung tích 107 cm^3 (đã qua sử dụng), tại thời điểm ngày 14/02/2024 có giá trị là 2.900.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu sơn trắng, chưa đăng ký biển số, số máy: JA39E-3028363; số khung: RLHJA3928FY416039, dung tích 110 cm^3 (đã qua sử dụng), tại thời điểm ngày 08/02/2024 có giá trị là 13.500.000 đồng.

Tổng cộng: 03 chiếc xe mô tô trị giá 41.733.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: anh Phạm Minh T2 yêu cầu bồi thường 13.500.000 đồng, anh Võ Thành N yêu cầu bồi thường 2.900.000 đồng, Nguyễn Văn B yêu cầu bồi thường 25.333.000 đồng, anh Lâm Sơn L1 yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh L1 số tiền 2.900.000 đồng; Nguyễn Duy T chưa bồi thường.

Qua xác minh, Nguyễn Duy T không có tài sản nên không kê biên.

Tại Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSCT ngày 31 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Người bị hại anh Nguyễn Văn B, anh Võ Thành N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Sơn L1 vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Anh Phạm Minh T2 trình bày: anh T2 yêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh số tiền 13.500.000 đồng là trị giá chiếc xe của anh đã bị T chiếm đoạt, theo Kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐG, ngày 03/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Về hình phạt đối với bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Duy T thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và đồng ý bồi thường cho anh Phạm Minh T2 số tiền 13.500.000 đồng, anh Võ Thành N số tiền 2.900.000 đồng, Nguyễn Văn B số tiền 25.333.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội danh nêu trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản",

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt của cả hai tôi, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Văn B số tiền 25.333.000 đồng; bồi thường cho anh Phạm Minh T2 số tiền 13.500.000 đồng, bồi thường cho anh Võ Thành N số tiền 2.900.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo Nguyễn Duy T không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo T đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bị hại anh B, anh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án đã rõ, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B, anh N, anh L1 theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi và hậu quả:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; có cơ sở xác định từ ngày 08/02/2024 đến 19/3/2024, Nguyễn Duy T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện C, Tây Ninh; cụ thể vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 08/02/2024 tại nhà của T địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện C. T đã có hành vi gian dối mượn xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn trắng, số máy: JA39E-3028363, số khung RLHJA3928FY416039, của anh Phạm Minh T2. Sau khi nhận được xe từ anh T2, T đem xe đến nhà anh Trần Thành Đình Q thế chấp số tiền 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Vào khoảng hơn 17 giờ 00 ngày 19/3/2024, T đến nhà anh B tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, lợi dụng khi đang nhậu chung với anh Nguyễn Văn B giả vờ mượn xe mô tô biển số 70D1-610.35 của anh B. Sau khi nhận được xe từ anh B, T5 đem xe đến thế chấp cho anh Trần Thành Đình Q lấy số tiền 6.300.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá số 13/KL-HDĐG ngày 03/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. Tổng giá trị của 02 chiếc xe T lừa đảo của anh B và anh T2 là 38.833.000 đồng.

Đối với hành vi của bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt 02 chiếc xe mô tô của anh B và anh T2 đủ yếu tố để cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Vào lúc 20 giờ ngày 14/02/2024, tính đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 70B1-04153 của anh Võ Thành N mượn của anh Lâm Sơn L1 để làm phương tiện đi lại và đang cất giữ tại nhà anh N địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện C, Tây Ninh, giá trị của chiếc xe theo kết luận định giá số 13/KL-HDĐG ngày 03/4/2024 là 2.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố để cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hiện nay 03 chiếc xe trên không thu hồi được.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Khi lượng hình phải xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần của anh B và anh T2 tại 02 địa điểm và khoảng thời gian khác nhau, cả 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đều đủ yếu tố để định tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Qua xác minh bị cáo T không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị căn cứ vào các điều luật nêu trên để xử phạt bị cáo là phù hợp pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Về bồi thường thiệt hại:

Anh Phạm Minh T2 yêu cầu bị cáo bồi thường 13.500.000 đồng, anh Võ Thành N yêu cầu bị cáo bồi thường 2.900.000 đồng, Nguyễn Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường 25.333.000 đồng, anh Lâm Sơn L1 yêu cầu bị cáo bồi thường 2.900.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Duy T chưa bồi thường.

Căn cứ Kết luận định giá số 13/KL-HDĐG ngày 03/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C.

- Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, màu sơn xanh đen, biển số 70D1-610.35, số máy: CGA1ID213593; số khung: 11AZKJ213553, dung tích 147 cm^3 (đã qua sử dụng) của anh Nguyễn Văn B, tại thời điểm ngày 19/3/2024 có giá trị là 25.333.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu WAYEC, màu sơn đỏ đen, biển số 70B1-041.53, số máy: RHA152FMH127689; số khung: RWCH1UMB1127689, dung tích 107 cm^3 (đã qua sử dụng), của anh Lâm Sơn L1 tại thời điểm ngày 14/02/2024 có giá trị là 2.900.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu sơn trắng, chưa đăng ký biển số, số máy: JA39E-3028363; số khung: RLHJA3928FY416039, dung tích 110 cm^3 (đã qua sử dụng), của anh Phạm Minh T2 tại thời điểm ngày 08/02/2024 có giá trị là 13.500.000 đồng.

Tại phiên toà bị cáo đồng ý đồng ý bồi thường cho anh Phạm Minh T2 số tiền 13.500.000 đồng, anh Võ Thành N số tiền 2.900.000 đồng, Nguyễn Văn B số tiền 25.333.000 đồng, phù hợp với yêu cầu của người bị hại, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu của anh Lâm Sơn L1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.900.000 đồng. Xét thấy anh Võ Thành N mượn xe của anh L1, được anh L1 đồng ý. Anh N cất giữ xe trong nhà của anh N và bị cáo trộm cắp xe tại nhà anh N đang trong thời gian anh N có trách nhiệm và quyền quản lý chiếc xe. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bị cáo bồi thường cho anh Võ Thành N số tiền 2.900.000 đồng. Trường hợp anh L1 có tranh chấp về quyền sở hữu xe và tiền bồi thường thiệt hại sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bị kết án và phải bồi thường thiệt hại cho 03 người bị hại nên bị cáo T phải chịu 2.086.650 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 02 (hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải chấp hành án hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

2. Về biện pháp tư pháp:

2.1. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận Nguyễn Duy T đồng ý bồi thường cho anh Phạm Minh T2 số tiền 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng, bồi thường cho anh Võ Thành N 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Văn B số tiền 25.333.000 (hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 2.086.650 (hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi) đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựthì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu kho, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân